

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/DS-ST
Ngày: 22-5-2024
V/v “Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Đức Minh;
- Ông Trương Hữu Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 22/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **632/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST-DS ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị M, sinh năm 1974; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà M và bị đơn bà T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ghi ngày 01/12/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà M trình bày:

Nguyên đơn bà **M** và bị đơn bà **T** có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 10/8/2022, tại nhà bà **M** có địa chỉ tại **ấp B, xã T, huyện D**, bà **M** cho bà **T** mượn số tiền 11.000.000 đồng để bà **T** có vốn làm ăn. Việc vay mượn tiền, bà **M** và bà **T** có lập “*Giấy mượn tiền*” trên giấy A4 theo mẫu có sẵn và do bà **M** viết, hai bên có ký tên xác nhận, bà **T** ký tên “*Tới*” và ghi rõ họ tên “*Dương Thị T*” dưới mục người mượn tiền, bà **M** ký tên “*M*” và ghi rõ họ tên “*Dương Thị M*” dưới mục người cho mượn. Hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán đến ngày 10/10/2023, mức lãi suất 2%/tháng. Đến thời hạn thanh toán, nhiều lần bà **M** yêu cầu nhưng bà **T** không thanh toán tiền gốc, cũng không trả tiền lãi suất theo thỏa thuận cho bà **M**, vì vậy bà **M** khởi kiện bà **T** tại TAND huyện Dầu Tiếng.

Tại phiên toà, nguyên đơn bà **M** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà **T** thanh toán lại số tiền gốc là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 và không yêu cầu tính lãi suất của số tiền gốc nêu trên. Ngoài số tiền trên, bà **T** không còn nợ của bà **M** số tiền nào khác.

Chứng cứ nguyên đơn bà **M** cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 01/12/2023; Căn cước công dân của bà **M** (bản sao); “*Giấy mượn tiền*” ghi ngày 10/8/2022 (bản photo); đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ giao tài liệu chứng cứ ngày 01/12/2023 của bà **M**; đơn yêu cầu Tòa án không thực hiện hòa giải theo Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án ngày 01/12/2023; Bản tự khai ngày 01/12/2023.

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn bà T trình bày:

Năm 2022, bà **Dương Thị T** có vay của bà **Dương Thị M** số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), bà **M** đã giao cho bà **T** số tiền mặt 10.000.000 đồng nêu trên. Để hiện nội dung sự việc, bà **M** có lập giấy nợ và bà **T** có ký tên xác nhận, giấy nợ được bà **M** lập trên một cuốn tập ô ly vở học sinh. Hai bên thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất của số tiền 10.000.000 đồng nêu trên mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng/tháng). Cho đến nay, bà **T** đã trả được cho bà **M** số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), số tiền trên được bà **T** đưa cho bà **M** nhiều lần khác nhau và bà **T** không nhớ cụ thể ngày, tháng. Hiện nay, bà **T** chỉ còn nợ lại của bà **M** số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) và đồng ý trả số tiền này cho bà **M**.

Bà **T** thừa nhận chữ ký “*Tới*”, chữ viết họ tên “*Dương Thị T*” dưới mục “*người mượn tiền*” tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 do bà **M** cung cấp là do bà **T** ký và viết ra. Bà **T** không hiểu lý do gì mà khi bà **T** vay tiền của bà **M** thì bà **M** viết giấy nợ trên vở kẻ ô ly học sinh, nhưng “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 lại là giấy A4.

Khi bà **T** trả số tiền 6.000.000 đồng cho bà **M** thì trả bằng hình thức góp nhiều lần bằng tiền mặt, hai bên không lập giấy tờ gì để thể hiện, cũng không có ai làm chứng. Do đó bà **T** không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình về việc còn nợ lại của bà **M** số tiền 4.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của bà **M**, bà **T** chỉ đồng ý trả số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Chứng cứ bà T cung cấp: Bản photo giấy căn cước công dân; đơn xin miễn tiền án phí.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa đúng quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M có mặt, bị đơn bà T có mặt nên **đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.**

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà M và bị đơn bà T có mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T có nghĩa vụ trả số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng). Bà T có nơi cư trú tại **ấp R, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương** nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà M cung cấp chứng cứ là “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 được viết trên giấy A4 theo mẫu có sẵn và do bà M viết. Bà T thừa nhận chữ ký “*Tới*”, chữ viết họ tên “**Dương Thị T**” dưới mục “*người mượn tiền*” tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 do bà M cung cấp là do bà T ký và viết ra. Đây là tình tiết được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Xem xét nội dung của “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022, thấy rằng: Bà M là người viết nội dung trên giấy mượn tiền theo mẫu có sẵn trên giấy A4. Số tiền mượn, mức lãi suất, thời hạn thanh toán được các bên thoả thuận ghi tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 như sau: “*với số tiền 11.000.000 (bằng chữ (mười một triệu đồng)), lãi suất là 02% (bằng chữ), tôi sẽ trả lãi hàng tháng đầy đủ và hẹn đến ngày 10/10/2023 sẽ hoàn trả lại hết số tiền đã mượn*”. Như vậy,

có căn cứ xác định, ngày 10/8/2022, bà T và bà M có thoả thuận với nhau về việc bà M cho bà T mượn số tiền 11.000.000 đồng trong thời hạn từ ngày 10/8/2022 đến ngày 10/10/2023, mức lãi suất là 02%. Do đó, có căn cứ xác định việc nguyên đơn bà M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T thanh toán số tiền gốc 11.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 10/8/2022 là có căn cứ. Bà M không yêu cầu bà T phải thanh toán tiền lãi suất, đây là sự tự nguyện của đương sự nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn bà T thừa nhận chữ ký “Tới”, chữ viết họ tên “*Dương Thị T*” dưới mục “*người mượn tiền*” tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 do bà M cung cấp là do bà T ký và viết ra. Bà T trình bày có vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và hai bên có lập giấy nợ do bà M lập trên một cuốn tập ô ly vở học sinh và cho đến nay bà T đã nhiều lần trả tiền cho bà M với tổng số tiền là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) và chỉ còn nợ lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, lời trình bày của bà T không được bà M thừa nhận và cũng không phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn bà M cung cấp là “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022 đã được bà T thừa nhận có ký tên xác nhận. Do đó, lời trình bày của bị đơn bà T là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bị đơn bà *Mai Thị T1* là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có yêu cầu được miễn tiền án phí, do đó bà T1 được miễn tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà *Dương Thị M* đối với bà *Dương Thị T*.

Buộc bà *Dương Thị T* có nghĩa vụ thanh toán cho bà *Dương Thị M* số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng) theo “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/8/2022.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà **Dương Thị T** phải chịu số tiền 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được miễn toàn bộ do là người cao tuổi.

2.2. Hoàn trả cho bà **Dương Thị M** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002429 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 22/5/2024).

4. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hữu Bình

Hồ Đắc Minh

Trần Văn Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hữu Bình

Nguyễn Thị Kim Phi

Trần Văn Tùng